

Số: 264/2020/QĐST-VDS

Chợ Gạo, ngày 17 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:***  
Bà Lý Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 203/2020/TLST-VDS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 220/2020/QĐST-VDS ngày 01 tháng 9 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông T, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đ, sinh năm 1956

2. Bà T, sinh năm 1960

HKTT: ấp B, xã T, TP. T, tỉnh Tiền Giang.

Cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

3. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Ô1, khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà L – Chấp hành viên

Ông T, ông Đ, bà T có mặt, bà L vắng mặt

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

***- Tại đơn yêu cầu ngày 22 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết việc dân sự cũng như tại phiên họp, người yêu cầu ông T trình bày:***

Ông T là người được thi hành án theo bản án số 59/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Sau khi ông có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ra thông báo số

343/TB-CCTHADS ngày 19/6/2020, thông báo cho người phải thi hành án là ông Đ có quyền thỏa thuận phân chia, khởi kiện tại Tòa án chia tài sản chung là thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 ngày 15/8/2006 cho ông Đ để thi hành án. Hết thời hạn theo thông báo nhưng ông Đ không thỏa thuận, phân chia được và cũng không khởi kiện để chia phần tài sản của ông Đ trong khối tài sản chung trên đề thi hành án.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu của ông Đ trong khối tài sản chung là thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> để thi hành án.

- *Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ trình bày:*

Ông là người phải thi hành án cho ông T theo bản án số 59/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Ông và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo. Thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 ngày 15/8/2006 cho ông Đ là tài sản chung của ông và bà T, có nguồn gốc do ông và bà T nhận chuyển nhượng.

Nay đối với yêu cầu của ông T, ông cũng thống nhất phần đất là tài sản chung của ông và bà T, trong đó ông có ½ quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất.

- *Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày:*

Bà và ông Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo. Thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 ngày 15/8/2006 cho ông Đ là tài sản chung của bà và ông Đ, có nguồn gốc do bà và ông Đ nhận chuyển nhượng năm 2006 và để ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận.

Nay đối với yêu cầu của ông T, bà cũng thống nhất phần đất là tài sản chung của ông Đ và bà, trong đó ông Đ có ½ quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất.

*- Ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G:*

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đang thụ lý thi hành bản án số 59/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo. Nội dung thi hành buộc ông Đ trả cho ông T số tiền 75.207.000 đồng và lãi suất. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G chưa kê biên, xử lý đối với tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên của ông Đ. Quá trình thi hành án ông Đ không tự nguyện thi hành, qua xác minh thì ông Đ có chung quyền sở hữu quyền sử dụng đất diện tích 1.575 m<sup>2</sup>, thửa đất 2333, tờ bản đồ 651 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01182 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 15/8/2006 cho ông Đ. Sau khi Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông Đ thì Chi Cục Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, xử lý phần tài sản của ông Đ để thi hành án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu. Tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại về thủ tục tiến hành phiên họp, đảm bảo về thành phần và quy định về thủ tục phiên họp dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của ông T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt đại diện Chi Cục Thi hành án dân sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về yêu cầu giải quyết và thẩm quyền: Ông T yêu cầu xác định phần quyền sở hữu của ông Đ trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất phần đất do ông Đ đứng tên nên việc dân sự được xác định là “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án*” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản liên quan đến việc thi hành án tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Đ là người phải thi hành án theo bản án số 59/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, người được thi hành án là ông T. Quá trình thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G xác định người phải thi hành án có tài sản nằm trong khối tài sản chung là thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 ngày 15/8/2006 cho ông Đ.

[2.2] Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đã ban hành thông báo số 259/TB-CCTHADS ngày 12/5/2020 yêu cầu người phải thi hành án là ông Đ và những người liên quan là bà T trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo có quyền thỏa thuận phân chia, khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia tài sản chung trên để thi hành án. Hết thời hạn theo thông báo, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự phân chia được và cũng không khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia nên đến nay vẫn chưa thi hành theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

[2.3] Theo chứng nhận kết hôn do ông Đ và bà T cung cấp xác định ông Đ và bà T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc vào ngày 25/11/1996. Căn cứ vào lời thừa nhận của đương sự và hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Gạo cung cấp thì phần đất tại thửa số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575 m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do bà T và ông Đ nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Sen vào năm 2006. Ngày 15/8/2006, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 đối với thửa đất trên cho ông Đ là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông Đ. Theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng.” và “Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.”. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất trên là tài sản chung của ông Đ và bà T. Ông Đ có ½ quyền sử dụng đối với thửa đất trên.

[2.4] Từ những nhận định trên, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Đ trong khối tài sản chung để thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc đo đạc, định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí tố

tụng theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng nên buộc ông Đ phải trả số tiền này lại cho ông T

[4] Về lệ phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo quyết định theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 367, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 28 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông T.**

Xác định ông Đ có  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2333, tờ bản đồ số 651, có diện tích 1.575m<sup>2</sup> (Trong đó có 40 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG016265, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H001182 ngày 15/8/2006 cho ông Đ.

**2. Lệ phí giải quyết việc dân sự.**

Ông T phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3931 ngày 01 tháng 07 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

**3. Chi phí tố tụng khác:**

Ông Võ Ngọc Đức phải chịu tiền chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng chi phí nên ông Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành án xong, ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4. Quyền kháng cáo:** Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**